|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| TRƯỜNG THCS SƠN ĐÀ **TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**Phụ lục 1**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

*(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT)*

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN: TOÁN LỚP 7**

*Năm học: 2023 - 2024*

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 04**; Số học sinh:** 135 học sinh

**2. Tình hình đội ngũ:**

**-** Số giáo viên**:** 03;

**- Trình độ đào tạo**: Đại học: 03;

**- Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên :** Tốt: 03

**3. Thiết bị dạy học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** **( Bộ )** | **Các bài thí nghiệm/Thực hành** | **Ghi chú** |
| **1** | Bộ thiết bị vẽ bảng dạy học gồm:- Thước thẳng dài - Thước đo góc - Compa - Ê ke vuông | **1** | Dùng cho các tiết hình học |  |
| **2** | Bộ thiết bị dạy hình học trực quan gồm:- 01 hình hộp chữ nhật có kích thước (120x150x210)mm, các mặt đều là những tấm nhựa trong và có thể mở ra thành hình khai triển của hình hộp chữ nhật. - 01 hình lập phương có kích thước (200x200x200)mm, các mặt đều là những tấm nhựa trong và có thể mở ra thành hình khai triển của hình lập phương.- 01 hình lăng trụ đứng tam giác có kích thước đáy (120x150x180)mm, chiều cao 210mm, các mặt đều là những tấm nhựa trong và có thể mở ra thành hình khai triển của hình lăng trụ đứng tam giác. | **1** | §1. Hình hộp chữ nhật. Hình lập phương§1. Hình lăng trụ đứng tam giác. Hình lăng trụ đứng tứ giác. |  |
| **3** | Bộ thiết bị dạy hình học phẳng gồm:- 04 chiếc que có kích thước bằng nhau và bằng (2x5x100)mm, ghim lại ở một đầu (để mô tả các loại góc nhọn, vuông, tù, góc kề bù, tia phân giác của một góc, góc đối đỉnh)  | **1** | §1. Góc ở ví trí đặc biệt§2. Tia phân giác của một góc |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng TN/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| **1** | Bộ môn tin học | 1 | Thực hành một số phần mềm |  |

**II. Kế hoạch dạy học**

| **Stt** | **Tên Bài** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN SỐ VÀ ĐẠI SỐ****CHƯƠNG 1. SỐ HỮU TỈ** |
|  | §1. Tập hợp  các số hữu tỉ | 3 | – Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ. – Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ.– Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số.– Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ.– Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ. So sánh được hai số hữu tỉ. |
|  | §2. Cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ | 3 | – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ.– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số hữu tỉ (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...). |
|  | §3. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ. |  4 | – Mô tả được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai luỹ thừa cùng cơ số, luỹ thừa của luỹ thừa). |
|  | §4. Thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc | 4 | * Thực hiện được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai luỹ thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.
 |
|  | §5. Biểu diễn thập phân của số hữu tỉ | 2 | * Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.
* Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.

- Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có,...). |
|  | Bài tập cuối chương I – Số hữu tỉ | 1 | - Ôn tập lại kiến thức chương I |
| **CHƯƠNG 2. SỐ THỰC** |
|  | §1. Số vô tỉ. Căn bậc hai số học | 2 | – Nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn.– Nhận biết được số vô tỉ |
|  | §2. Tập hợp  các số thực  | 3 | – Nhận biết được số vô tỉ, số thực, tập hợp các số thực.– Nhận biết được trục số thực và biểu diễn được số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi.– Nhận biết được số đối của một số thực.– Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số thực. |
|  | §3. Giá trị tuyệt đối của một số thực | 2 | – Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực.  |
|  | §4. Làm tròn và ước lượng | 2 | – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước. |
|  | §5. Tỉ lệ thức | 1 | – Nhận biết được tỉ lệ thức và các tính chất của tỉ lệ thức.– Vận dụng được tính chất của tỉ lệ thức trong giải toán |
|  | §6. Dãy tỉ số bằng nhau | 2 | – Nhận biết được dãy tỉ số bằng nhau.– Vận dụng được tính chất của dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán (ví dụ: chia một số thành các phần tỉ lệ với các số cho trước,...). |
|  | §7. Đại lượng tỉ lệ thuận | 3 | – Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận (ví dụ: bài toán về tổng sản phẩm thu được và năng suất lao động,...). |
|  | §8. Đại lượng tỉ lệ nghịch | 3 | – Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ nghịch (ví dụ: bài toán về thời gian hoàn thành kế hoạch và năng suất lao động,...). |
|  |  Bài tập cuối chương II. Số thực  | 2 | - Ôn tập kiến thức chương II |
|  | HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆMChủ đề 1. Một số hình thức khuyến mãi trong kinh doanh | 2 | * -Nhận biết một số hình thức khuyến mãi trong kinh doanh

- Nhận biết được một số hình thức giảm giá phố biển-Thực hiện được tính doanh thu, lãi sau khi giảm giá |
| **CHƯƠNG 3.****HÌNH HỌC TRỰC QUAN** |
|  | §1. Hình hộp chữ nhật. Hình lập phương | 2 | – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương,...). |
|  | §2. Hình lăng trụ đứng tam giác. Hình lăng trụ đứng tứ giác. | 2 | – Mô tả được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: hai mặt đáy là song song; các mặt bên đều là hình chữ nhật) và tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.– Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác,...). |
|  | Bài tập cuối chương III | 1 | - Ôn tập kiến thức chương III |
|  | HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆMChủ đề 2. Tạo đồ dùng dạng hình lăng trụ đứng | 2 | - Nhận biết được một số hình ảnh lăng trụ đứng trong thực tiễn cuộc.-Thực hành tạo đồ vật có dạng hình lăng trụ đứng |
| **CHƯƠNG IV.****GÓC. ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG** |
|  | §1. Góc ở vị trí đặc biệt | 2 | – Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh). |
|  | §2. Tia phân giác của một góc | 1 | – Nhận biết được tia phân giác của một góc.– Nhận biết được cách vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập. |
|  | §3. Hai đường thẳng song song | 3 | – Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song.– Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.– Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song. |
|  | §4. Định lí | 2 | – Nhận biết được thế nào là một định lí, chứng minh một định lí. |
|  | Bài tập cuối chương IV | 2 | - Ôn tập kiến thức chương IV |
| **Chương V. MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT** |
|  | §1. Thu thập, phân loại và biểu diễn dữ liệu | 3 | – Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: văn bản, bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác và trong thực tiễn.  |
|  | §2. Phân tích và xử lí dữ liệu  | 2 | – Giải thích được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ: tính hợp lí, tính đại diện của một kết luận trong phỏng vấn; tính hợp lí của các quảng cáo;...). |
|  | §3. Biểu đồ đoạn thẳng | 2 | – Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng biểu đồ thống kê: biểu đồ đoạn thẳng.– Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: biểu đồ đoạn thẳng (*line graph*).– Nhận biết được những dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu.– Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: biểu đồ đoạn thẳng (*line graph*).– Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: biểu đồ đoạn thẳng (*line graph*).– Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trình lớp 7 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 7, Khoa học tự nhiên lớp 7,...) và trong thực tiễn (ví dụ: môi trường, y học, tài chính,...). |
|  | §4. Biểu đồ hình quạt tròn | 3 | – Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng biểu đồ thống kê: biểu đồ hình quạt tròn.– Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: biểu đồ hình quạt tròn – Nhận biết được những dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu.– Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: biểu đồ hình quạt tròn.– Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: biểu đồ hình quạt tròn.– Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trình lớp 7 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 7, Khoa học tự nhiên lớp 7,...) và trong thực tiễn (ví dụ: môi trường, y học, tài chính,...). |
|  | §5. Biến cố trong một số trò chơi đơn giản | 2 | –Làm quen vớicác khái niệm mở đầu về biến cố ngẫu nhiên trong các ví dụ đơn giản. |
|  | §6. Xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số trò chơi đơn giản | 2 | –Làm quen vớicác khái niệm mở đầu về xác suấtcủa biến cố ngẫu nhiên trong các ví dụ đơn giản.– Nhận biết được xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản (ví dụ: lấy bóng trong túi, tung xúc xắc,...). |
|  | Bài tập cuối chương V | 2 | - Ôn tập kiến thức chương V |
|  | HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆMChủ đề 3. Dung tích phổi | 2 | - Nhận biết được chức năng của phổi, dung tích phổi, công thức tính dung tích phổi chuẩn và thực hành tính được dung tích phổi. |
| **Chương VI. BIỂU THỨC ĐẠI SỐ** |
|  | §1. Biểu thức số. Biểu thức đại số | 2 | – Nhận biết được biểu thức số. – Nhận biết được biểu thức đại số.– Tính được giá trị của một biểu thức đại số. |
|  | §2. Đa thức một biến. Nghiệm của đa thức một biến | 3 | – Nhận biết được định nghĩa đa thức một biến. – Nhận biết được cách biểu diễn đa thức một biến; xác định được bậc của đa thức một biến. – Tính được giá trị của đa thức khi biết giá trị của biến.– Nhận biết được khái niệm nghiệm của đa thức một biến. |
|  | §3. Phép cộng, phép trừ đa thức một biến | 3 | – Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ trong tập hợp các đa thức một biến; vận dụng được những tính chất của các phép tính đó trong tính toán. |
|  | §4. Phép nhân đa thức một biến | 2 | – Thực hiện được các phép tính: phép nhân trong tập hợp các đa thức một biến; vận dụng được những tính chất của các phép tính đó trong tính toán. |
|  | §5. Phép chia đa thức một biến | 2 | – Thực hiện được các phép tính: phép chia trong tập hợp các đa thức một biến; vận dụng được những tính chất của các phép tính đó trong tính toán. |
|  | Bài tập cuối chương VI | 1 | - Ôn tập kiến thức chương VI |
|  | **Chương VII. TAM GIÁC** |  |  |
|  | §1. Tổng các góc của một tam giác | 2 | – Giải thích được định lí về tổng các góc trong một tam giác bằng 180o. |
|  | §2. Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện. Bất đẳng thức tam giác | 2 | – Nhận biết được liên hệ về độ dài của ba cạnh trong một tam giác. |
|  | §3. Hai tam giác bằng nhau | 1 | – Nhận biết được khái niệm hai tam giác bằng nhau. |
|  | §4. Trường hợp bằng nhau thứ nhất của tam giác: cạnh - cạnh - cạnh | 2 | – Giải thích được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác, của hai tam giác vuông. |
|  | §5. Trường hợp bằng nhau thứ hai của tam giác: cạnh - góc - cạnh | 3 | – Giải thích được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác, của hai tam giác vuông. |
|  | §6. Trường hợp bằng nhau thứ ba của tam giác: góc - cạnh - góc | 3 | – Giải thích được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác, của hai tam giác vuông. |
|  | §7. Tam giác cân | 2 | – Mô tả được tam giác cân và giải thích được tính chất của tam giác cân (ví dụ: hai cạnh bên bằng nhau; hai góc đáy bằng nhau). |
|  | §8. Đường vuông góc và đường xiên | 2 | – Nhận biết được khái niệm: đường vuông góc và đường xiên; khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng. Giải thích được quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên dựa trên mối quan hệ giữa cạnh và góc đối trong tam giác (đối diện với góc lớn hơn là cạnh lớn hơn và ngược lại). |
|  | §9. Đường trung trực của một đoạn thẳng | 2 | – Nhận biết được đường trung trực của một đoạn thẳng và tính chất cơ bản của đường trung trực. |
|  | §10. Tính chất ba đường trung tuyến của tam giác | 2 | – Nhận biết được: các đường trung tuyến trong tam giác; sự đồng quy của các đường đặc biệt đó. |
|  | §11. Tính chất ba đường phân giác của tam giác | 2 | – Nhận biết được: các đường phân giác trong tam giác; sự đồng quy của các đường đặc biệt đó. |
|  | §12. Tính chất ba đường trung trực của tam giác | 2 | – Nhận biết được: các đường trung trực trong tam giác; sự đồng quy của các đường đặc biệt đó. |
|  | §13. Tính chất ba đường cao của tam giác | 2 | – Nhận biết được: các đường cao trong tam giác; sự đồng quy của các đường đặc biệt đó. |
|  | Bài tập cuối chương VII | 2 | - Ôn tập kiến thức chương  |

 **3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** | **Địa điểm** |
| Giữa Học kỳ 1 | 90 phút | Tuần 9 | Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương 1 và chương 3 | Viết trên giấy | Trên lớp học |
| Cuối Học kỳ 1 | 90 phút | Tuần 17 | Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương 1;2;3;4 | Viết trên giấy | Trên lớp học |
| Giữa Học kỳ 2 | 90 phút | Tuần 27 | Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương 5, chương 7 (Bài 1;2;3;4;5;6;7) | Viết trên giấy | Trên lớp học |
| Cuối Học kỳ 2 | 90 phút | Tuần 34 | Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương 5,6,7 | Viết trên giấy | Trên lớp học |

**III. Các nội dung khác:**

- Bồi dưỡng học sinh giỏi toán 7

 - Phụ đạo HS đầu yếu toán 7.

*Sơn Đà, ngày 20 tháng 8 năm 2023*

|  |  |
| --- | --- |
|  **TỔ TRƯỞNG**  **Dương Hoàng Chiến** |  **HIỆU TRƯỞNG**  |